

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **60/2024/HSST**

Ngày 21-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Kim Đào;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thúy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2024/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HS ngày 10/5/2024 đối với bị cáo: **Lê Quang T** (tên gọi khác: C); giới tính: Nam; sinh ngày: 26/4/1998 tại Quảng Trị; nơi thường trú: khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; con ông Lê Văn Q (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T1; Sinh năm: 1966; hiện trú tại: khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; gia đình có 03 anh chị em; bị cáo là con út; chưa có vợ, con; tiền sự: Không có.

- Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án.

+ Tại Bản án số 10/2019/HSST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt Lê Quang T 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt ngày 26/10/2019.

+ Tại bản án số 121/2021/HSST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt Lê Quang T 14 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2022.

- Về nhân thân:

+ Ngày 03/11/2014, bị Công an phường Đ xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong.

+ Ngày 26/11/2015, bị Công an phường Đ xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong.

+ Ngày 17/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 05 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ đến ngày 29/3/2024 được chuyển đến Trại tạm giam Công an tỉnh Q cho đến nay, *có mặt*.

- *Bị hại*: Công Ty cổ phần Đ; địa chỉ: Số B đường Đ, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn Q1, chức vụ: Quản lý công trình; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, *có mặt*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 14/12/2023, Lê Quang T đang điều khiển xe mô tô hiệu ORIENTAL, biển kiểm soát 75H7-2810 của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ của bị cáo) đi từ khu phố B, phường Đ, thành phố Đ về nhà của mình. Khi đến đoạn đường P thuộc khu phố T, phường Đ, thành phố Đ thì T dừng xe lại. T thấy trên nền đất có các khuôn đúc bê tông làm bằng sắt để trên công trường, không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T đi đến bê 01 (một) khuôn đúc bê tông, đặt lên yên xe mô tô rồi chở đến cơ sở thu mua phế liệu “Hòa Màu” trên đường N thuộc khu phố Đ, phường Đ, thành phố Đ để bán. Vào khoảng 02 giờ 20 phút cùng ngày, lúc đang ở ngoài cơ sở thu mua phế liệu “Hòa Màu” gọi chủ mở cửa ra để bán thì bị lực lượng Công an phường Đ phát hiện, mời về trụ sở làm việc, thu giữ cùng tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTS ngày 24/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự UBND thành phố Đ kết luận trị giá 01 (một) khuôn đúc bê tông, chất liệu kim loại, kích thước (02x0,4x0,4)m tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 490.700 đồng (*Bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm đồng*).

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 (một) khuôn đúc bê tông, chất liệu kim loại, kích thước (02x0,4x0,4)m; đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu Xanh, BKS: 75H7-2810; số máy: VPDOR 152FMH00040273 số khung: VPDBCH013PD040273, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS-ĐH ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Lê Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà trình bày bổ sung nội dung Bản cáo trạng về tên gọi khác của bị cáo, họ, tên bố mẹ của bị cáo và nơi cư trú của mẹ bị cáo; giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại: điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang T từ **24** đến **26** tháng tù.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu Xanh, BKS: 75H7-2810; số máy: VPDOR 152FMH00040273, số khung: VPDBCH013PD040273 cho bà Nguyễn Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại, kiến nghị gì về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, hợp pháp, đúng pháp luật theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng, đã có đủ cơ sở kết luận: Lê Quang T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) khuôn đúc bê tông của Công ty Cổ phần Đ. Tài sản mà Lê Quang T chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự kết luận: Có giá trị 490.700 đồng (*Bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm đồng*). Mặc dù bị cáo chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng ngày 13/3/2019 bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung: “*Tái phạm nguy hiểm*”, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nên tiền án tại Bản án số 10/2019/HSST ngày 13/3/2019 được sử dụng để xác định dấu hiệu định tội với tình tiết “*Đã bị kết án về tội này..., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”, nên không được tính để xác định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc tăng nặng định khung đối với bị cáo. Việc Viện kiểm sát vừa sử dụng Bản án số 10/2019/HSST ngày 13/3/2019 để xác định dấu hiệu định tội vừa kết hợp Bản án số 10/2019/HSST ngày 13/3/2019 với Bản án số 121/2021/HSST ngày 09/11/2021 để áp dụng tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không phù hợp với quy định pháp luật, làm bất lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định khung hình phạt: “*Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[3] Xét về tính chất hành vi của bị cáo: Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe, có nhận thức pháp luật nhưng lười lao động, thích hưởng thụ nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và bị Tòa án xét xử phạt tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng không rèn luyện, tu dưỡng bản thân thành người có ích cho gia đình và xã hội. Vì vậy cần xử phạt nghiêm minh với hình phạt tù có thời hạn nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo đã bị xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thời hạn tạm giam còn dưới 45 ngày nên tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bà Nguyễn Thị T1 không biết bị cáo sử dụng xe mô tô của mình vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:*

Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công Ty cổ phần Đ (một) khuôn đúc bê tông, chất liệu kim loại, kích thước (02x0,4x0,4)m, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Bị cáo sử dụng xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, màu Xanh, BKS: 75H7-2810; số máy: VPDOR 152FMH00040273 số khung: VPDBCH013PD040273 của bà Nguyễn Thị T1 (mẹ bị cáo) nhưng bà T1 không biết nên cần trả lại chiếc xe mô tô cho bà Nguyễn Thị T1.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Quang T** (tên gọi khác: C) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Lê Quang T** (tên gọi khác: C): **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (07/02/2024).

2. *Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:* Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, số máy: VPDOR 152FMH00040273, số khung: VPDBCH013PD040273, BKS: 75H7-2810.

Vật chứng hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra HYPERLINK \l "link" \o "Công an thành phố Đông Hà" Công an thành phố Đông Hà với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà lập ngày 26/4/2024).

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại và người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Xuân Hương